

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
Năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG
DN: C=VN, S=CAO BẰNG, L=Thành Phố Cao Bằng, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:4800129232
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.09 08:29:54+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.2.0

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4800129232
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Phố Kim Đồng - Phường Thục Phán - Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại: 02063 505 505
- Số fax: 02063 852 579
- Website: <http://cmamc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: KCB

* *Quá trình hình thành và phát triển:* Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở chuyển đổi Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thành Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

- Ngày 01/7/2006, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4800129232 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/07/2006 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng và cấp thay đổi thứ 05 ngày 16/10/2012 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51,89%.

- Ngày 16/12/2010, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu với tổng số cổ phần lưu ký là 8.000.000 cổ phần.

- Năm 2012, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức được Ủy ban chứng khoán Nhà nước đưa vào danh sách công ty đại chúng.

- Ngày 01/12/2015, cổ phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao chính thức niêm yết trên sàn giao dịch UpCOM.

* *Các sự kiện khác:* Không có.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

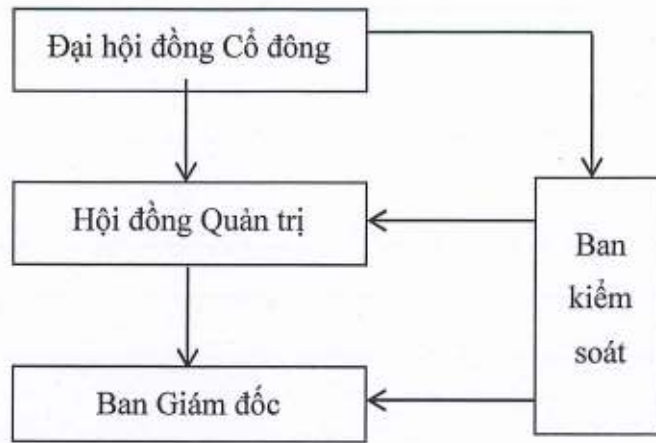
* *Ngành nghề kinh doanh:* Khảo sát thăm dò địa chất các loại khoáng sản; Khai thác tuyển luyện gia công chế biến kinh doanh khoáng sản; Công trình kỹ thuật dân dụng phát dẫn truyền tải điện năng.

* *Địa bàn kinh doanh:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

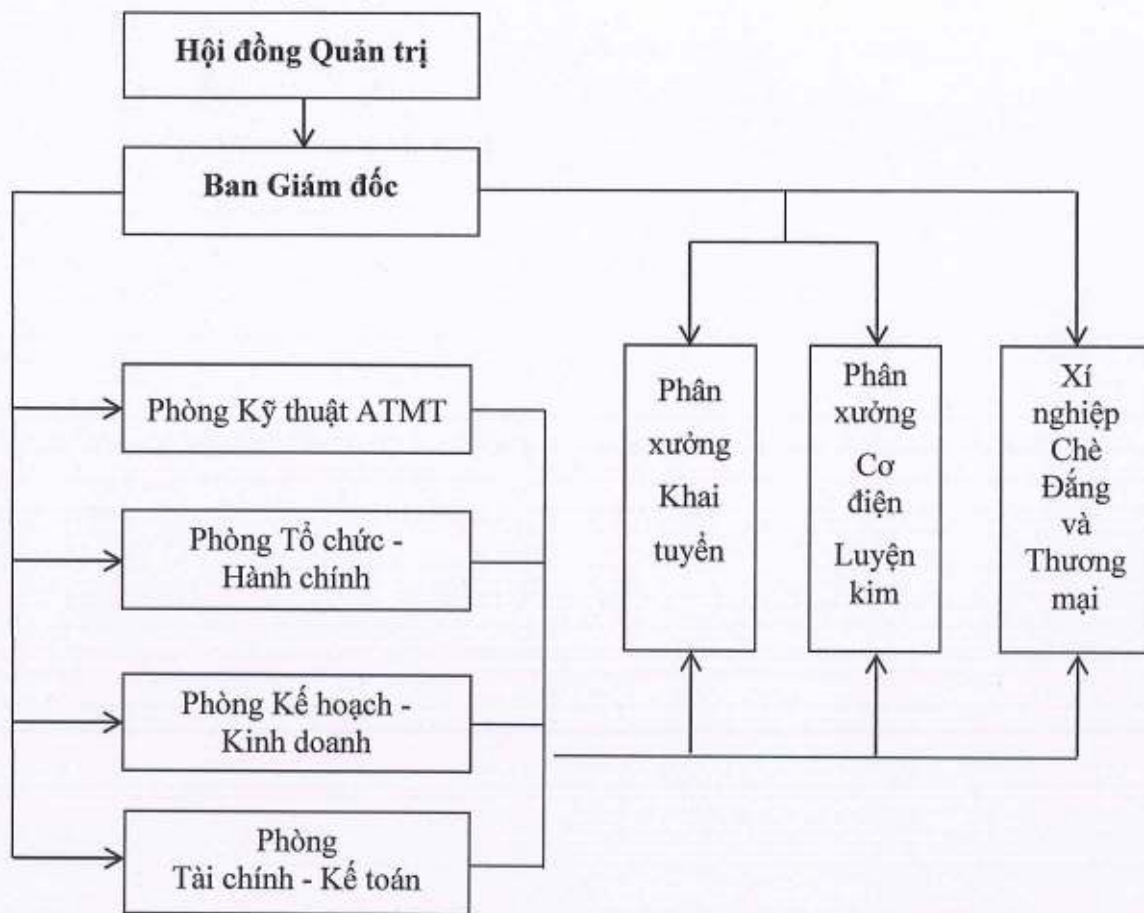
- Xã Tĩnh Túc - Tỉnh Cao Bằng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: theo Luật doanh nghiệp



- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): Không có.

4. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2026:

- Doanh thu: 118.892 triệu đồng.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là xin cấp giấy phép khai thác bãi thải Thập Lục Phần, bãi thải khu Tây, mỏ sắt Nà Lũng trong năm 2026; thực hiện lập hồ sơ xin cấp chủ trương đầu tư Dự án đầu tư khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép.

Handwritten signature

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng cường công tác quản trị chi phí nhằm giảm chi phí sản xuất đến mức thấp nhất.
- Quan tâm đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty.
- Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản.
- Sắp xếp lại lao động phù hợp với công nghệ và tổ chức sản xuất.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.
- Đảm bảo an toàn môi trường, an sinh xã hội.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Thiên tai: lũ lụt, nắng hạn kéo dài.
- Thay đổi chính sách của Nhà nước.
- Biến động giá cả thị trường, nguyên nhiên vật liệu tăng cao.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2025:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch Năm 2025	Tỷ lệ (%)	
						Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	137.023	124.043	123.219	110	111
2	Lợi nhuận	Tr.đ	13.523	11.946	13.242	113	102
3	Các sản phẩm sản xuất						
3.1	Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	123,98	147,69	140	84	88

- Thiếc thời 99,75%Sn đạt 123,98/140 tấn bằng 88% KHN và bằng 84% so với cùng kỳ năm 2024.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Gồm các ông/bà sau:

+ Ông Trần Văn Chương giữ chức danh Giám đốc Công ty từ 03/01/2020 đến nay (Đã bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Công ty theo Quyết định số: 39/QĐ-KSLK ngày 03/01/2025).

+ Ông Đỗ Hữu Chiêm giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 06/02/2020 đến nay (Đã bổ nhiệm lại chức vụ Phó giám đốc Công ty theo Quyết định số: 89/QĐ-KSLK ngày 06/02/2025).

+ Ông Cung Lê Hoàng giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty từ ngày 15/9/2021 đến nay.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Lao động đầu kỳ: 191 người; hết ngày 31/12/2025: 189 người;

+ Lao động sử dụng bình quân: 176 người.

CBCNV trong Công ty đều được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và hưởng các quyền lợi theo Luật lao động. Ngoài ra còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty, Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án (Năm 2025)

Trong năm Công ty thực hiện đầu tư 02/02 dự án chính thức đạt 100% KHN và đang thực hiện chuẩn bị đầu tư (CBĐT) các dự án theo kế hoạch năm 2025. Tổng giá trị thực hiện đạt 11.417/6.889 tr.đồng. Cụ thể:

3.1. Các dự án đầu tư chính thức

a. Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất:

- Đầu tư mua sắm máy xúc thủy lực gầu ngược, dung tích gầu $E \geq 1,4 m^3$.
- Giá trị tổng mức đầu tư theo kế hoạch : 6.750 tr.đ.
- Tình hình thực hiện: Dự án được đầu tư xong và đưa vào hoạt động trong tháng 5/2025. Giá trị đầu tư thực hiện đạt 6.467/6.750 tr.đồng.

b. Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng năm 2025:

- Đầu tư mua sắm 03 xe ô tô vận tải, tải trọng $\geq 9,0$ tấn/xe.
- Giá trị tổng mức đầu tư theo kế hoạch : 6.000 tr.đ.
- Tình hình thực hiện: Dự án được đầu tư xong và đưa vào hoạt động trong tháng 4/2025. Giá trị đầu tư thực hiện đạt 4.950/6.000 tr.đồng.

3.2. Các dự án chuẩn bị đầu tư:

a. Dự án đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm tại bãi thải Thập Lục Phần thị trấn Tĩnh Túc, Nguyên Bình, Cao Bằng (điều chỉnh): Công ty đã lập hồ sơ xin điều chỉnh dự án trình tỉnh Cao Bằng xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư (nộp hồ sơ ngày 24/9/2024), đã được các sở ban ngành thẩm định 02 lần và đồng ý về mặt kỹ thuật. Tuy nhiên, do sự thay đổi của pháp luật nhà nước (Luật Khoáng sản năm 2024 có hiệu lực từ 01/7/2025) do vậy dự án chưa được xem xét (tỉnh Cao Bằng đang hoàn thiện về quy hoạch khu vực đấu giá/không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, quy hoạch về đất đai..). Trong năm 2026, Công ty tiếp tục bám sát các cơ quan quản lý của tỉnh để hoàn thiện hồ sơ, đẩy nhanh tiến độ xin chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp phép khai thác (phân đấu xong trong năm 2026).

b. Dự án khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải khu vực bãi thải Khu tây, mỏ thiếc Tĩnh Túc, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (điều chỉnh).

Dự án có điều kiện và trình tự các bước thực hiện tương tự như dự án Thập Lục Phần (TLP). Trong năm 2025, dự án chưa triển khai thực hiện do tỉnh Cao Bằng chưa phê duyệt về quy hoạch khu vực đấu giá/không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Trong năm 2026, Công ty tiến hành kiểm kê đánh giá tài nguyên còn lại và triển khai các công việc xin chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp phép khai thác của dự án.

c. Dự án đầu tư khai thác mỏ thiếc Sa khoáng Nậm Kép:

Dự án được lập năm 2022 và đã nộp hồ sơ đề xuất đầu tư lên UBND tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, công tác xin chấp thuận chủ trương đầu tư hết sức khó khăn (không tiến triển được) do các ý kiến quan ngại của tỉnh Cao Bằng về những tác động, ảnh

hưởng của dự án đến môi trường, đời sống, sinh kế và an toàn của người dân khu vực bị ảnh hưởng .. Trong năm 2026, Công ty tiếp tục triển khai rà soát, đánh giá tổng thể lại dự án để đưa ra các biện pháp/giải pháp giải trình các ý kiến của tỉnh Cao Bằng và báo cáo tỉnh Cao Bằng xem xét.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết). Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	120.308	145.852	121,2
Doanh thu thuần	122.639	135.209	110,2
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.430	13.606	73,8
Lợi nhuận khác	-6.484	-83	
Lợi nhuận trước thuế	11.946	13.523	113,2
Lợi nhuận sau thuế	5.638	8.595	152,4
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%	7%	

- Các chỉ tiêu khác: không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghichú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
<u>Tài sản ngắn hạn</u> Nợ ngắn hạn	4,28	2,73	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	3,64	2,46	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,18	0,29	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,57	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	5,37	7,98	
<u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản	10,2	9,3	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,046	0,059	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,09	0,10	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 8.000.000 cổ phần;

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.000.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4800129232 ngày 01/07/2006. Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng nắm giữ đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông tính đến 03/4/2025	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên)	2	5.313.726	66,42
1.1	Cổ đông Nhà nước	1	4.150.869	51,89
1.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1	1.162.857	14,53
2	Cổ đông nhỏ (nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần)	1.426	2.686.274	33,58
2.1	Cổ đông tổ chức trong nước	2	416	0,0052
2.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1.418	2.679.937	33,5008
2.3	Cổ đông cá nhân nước ngoài	5	2.721	0,034
2.4	Cổ đông tổ chức nước ngoài	1	3.200	0,04
Tổng cộng		1.428	8.000.000	100

Ghi chú: Đến ngày 23/7/2025 cổ đông lớn cá nhân trong nước là ông Đinh Huy Chiến nắm giữ 1.162.857 cổ phần (chiếm tỷ lệ 14,53%) đã không còn là cổ đông lớn của Công ty.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v...): Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: (Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch): Không có.

e) Các chứng khoán khác: (Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các

P. Chiem

cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty liên quan đến việc phát hành chứng khoán): Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Sản phẩm chính:

+ Thiếc thỏi 99,75%Sn: 123,98 tấn;

+ Fero Silic: 351 tấn.

- Nguyên liệu chính:

+ Quặng thiếc 70%: 185 tấn;

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Nhiên liệu, than cốc các loại: 298 tấn.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn cung cấp nước: Nước suối Cami, Cao Sơn - Nguyên Bình - Cao Bằng.

- Nước lưu hồi từ hệ thống các ao lắng tuyển.

- Lượng nước sử dụng dùng cho tuyển rửa đất quặng: 1.287.116 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

- Lượng nước lưu hồi, tái sử dụng chiếm 90%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động sử dụng bình quân: 176 người.

- Mức lương trung bình: 12,35 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Người lao động có chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Số giờ đào tạo trung bình 8h/người/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Các chương trình đào tạo: Tập huấn công tác nghiệp vụ, công tác an toàn môi trường; bồi dưỡng kèm cặp nâng bậc...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

* Các loại quỹ Công ty đã tham gia ủng hộ trong năm 2025:

- Ủng hộ MTTQ tỉnh Cao Bằng khắc phục hậu quả thiên tai cơn bão số 10 và số 11: 250.000.000 đồng.

- Ủng hộ phường Tân Giang khắc phục hậu quả thiên tai cơn bão số 10 và số 11: 30.000.000 đồng.

- Ủng hộ xã Tĩnh Túc khắc phục hậu quả thiên tai cơn bão số 10 và số 11: 50.000.000 đồng.

- Ủng hộ quỹ "Vì người nghèo" năm 2025 Thị trấn Tĩnh Túc: 12.000.000 đồng.

- Ủng hộ xây dựng quỹ hỗ trợ nông dân xã Tĩnh Túc: 10.000.000 đồng.

- Ủng hộ chương trình "Tết sum vầy - Xuân on đàng" của Liên đoàn lao động tỉnh Cao Bằng: 10.000.000 đồng.

- Các hoạt động khác.

Tổng số tiền hỗ trợ 497.000.000 đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại mục 1 phần 2 của báo cáo này.

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

1.1. Đối với công tác Khai thác mỏ, tuyển khoáng

a. Công tác khai thác mỏ:

Khối lượng thực hiện năm 2025 cụ thể như sau:

- Đất đá thải chứa quặng thực hiện đạt: 1.265.606/1.422.224 tấn bằng 89,0% KHN; trong đó: Khai thác tận thu tại bãi thải khu Tây đạt: 930.026/972.224 tấn bằng 95,7% KHN; Khai thác tận thu tại bãi thải Thập Lục Phần khối lượng thực hiện đạt: 335.579/450.000 tấn bằng 74,6% KHN;

- Cung độ vận chuyển đất đá thải chứa quặng: 0,51/0,60 Km bằng 85,0% KHN. Trong đó tại bãi thải khu Tây: 0,61/0,63 Km bằng 97% KHN; Tại bãi thải Thập Lục Phần: 0,22/0,52 Km bằng 42% KHN.

- Khối lượng đất đá thải thực hiện: 140.311/50.195 m³, bằng 179,5% KHN. Khối lượng đất đá thải chủ yếu ở khai trường bãi thải khu Tây. Cung độ vận chuyển đất đá thải 0,43/0,30 Km; bằng 140% KHN. Do các mỏ của Công ty là mỏ tận thu, vì vậy công tác đánh giá tài nguyên chưa đánh giá được chi tiết, dẫn đến phát sinh tăng khối lượng đất đá thải so với KHN.

b. Công tác tuyển khoáng:

a. Tuyển thô quặng thiếc:

Tổng khối lượng đất đá thải chứa quặng thiếc vào tuyển: 1.265.606/1.422.224 tấn bằng 89,0% KHN; Hàm lượng đất quặng vào tuyển đạt 0,0131/0,0135%Sn, bằng 97,6%KHN; Trong đó khối lượng đất quặng vào tuyển thô khu Tây: 725.657 tấn (HL 0,0131%Sn); Tuyển thô Thập Lục Phần: 539.949 tấn (HL 0,0132%Sn).

Thực thu tuyển thô đạt 80,6/80,0% bằng 100,8% KHN. Kết quả sản xuất, quặng hỗn hợp sau tuyển thô đạt 2.987 tấn (HL: 4,44%Sn), trong đó: Tuyển thô khu Tây: 1.686 tấn (HL 4,61%Sn); Tuyển thô Thập Lục Phần: 1.301 tấn (HL 4,2%Sn).

b. Tuyển tinh thiếc: Sản lượng quặng thiếc thô về tuyển tinh đạt 2.987 tấn (HL: 4,49%Sn). Sản lượng tinh quặng thiếc sau tuyển tinh đạt: 185,131/208 tấn (HL 69,22%Sn (tương đương 183,1 tấn tinh quặng 70%Sn), bằng 88,0% KHN. Thực thu tuyển tinh đạt 95,5% bằng 100,5% KHN.

Các chỉ tiêu về công nghệ như: thực thu, năng suất, v.v... đều đạt định mức kế hoạch.

1.2. Công tác Luyện kim

a. Sản xuất thiếc thỏi 99,75%Sn: Để đáp ứng nhu cầu tài chính kịp thời, Công ty tiếp tục thuê đơn vị ngoài để luyện thiếc nhằm đảm bảo nguồn tài chính cung ứng phục vụ sản xuất.

b. Sản xuất Ferosilic 45%:

Do thời tiết đầu năm khô hạn, thiếu nước dẫn đến lượng điện năng phát dẫn chỉ đủ để sản xuất quặng thiếc. Công tác sản xuất FeSi45 chỉ bắt đầu từ cuối tháng 6, khi điện năng có thể đáp ứng cho toàn bộ hoạt động sản xuất của Công ty.

Sản lượng FeSi45 năm 2025 đạt: 351/600 tấn, bằng 58,5%KHN. Các chỉ tiêu tiêu hao chính đều đạt định mức so với Kế hoạch năm.

1.3. Đối với công tác cơ điện

- Thiết bị bốc xúc, vận tải chủ yếu huy động tập trung cho sản xuất tận thu tại bãi thải Khu Tây và bãi thải Thập Lục Phần. Tổng khối lượng xúc bốc thực hiện trong năm 2025 là: 1.357.056/1.442.706 m³ bằng 94,1% KHN.

- Thiết bị vận tải huy động được thường xuyên 06 xe. Khối lượng vận tải năm 2025 đạt: 1.346.173/1.499.043 TKm bằng 89,8% KHN.

1.4. Đối với công tác phát dẫn điện năng

Sản lượng điện năng phát dẫn năm 2025 đạt 5,64/6,8 tr kwh, bằng 82,9% KHN.

1.5. Đối với công tác sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên

Thiết bị tuyển khoáng: Công ty chủ động sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên các hệ tuyển thô, cải tiến dây chuyền sản xuất giúp tăng năng suất, thực thu tuyển; Tiếp tục chế tạo, gia công các mặt sàng tuyển, sàng quay, gia cố máng dẫn phục vụ sản xuất.

Thiết bị luyện kim: Công ty đã triển khai công tác bảo dưỡng, sửa chữa lò luyện, thay thế sàn thao tác cũ đã bị mục, vệ sinh má ôm... chuẩn bị các điều kiện cần thiết để vận hành lò Fero khi lượng điện năng sản xuất đảm bảo.

Thiết bị khai thác, vận tải: Năm 2025, công tác sửa chữa tập trung bảo dưỡng và khắc phục hư hỏng để kịp thời phục vụ sản xuất.

Công tác sửa chữa lớn: Tiếp tục thực hiện kế hoạch sửa chữa năm 2024, Công ty đã triển khai sửa chữa lớn 01 máy xúc thủy lực gầu ngược HuynDai 330; Giá trị thực hiện đạt 0,99/1,0 tỷ đồng, bằng 99% KHN. Phối hợp cùng đơn vị sửa chữa để tổ chức đánh giá và đưa vào sửa chữa lớn máy xúc CAT336; Giá trị thực hiện đạt 1,68/1,8 tỷ

đồng, bằng 93% KHN. Ngoài ra, cuối năm 2025 Công ty đã thực hiện đánh giá và đưa vào sửa chữa 01 xe ô tô Howo, dự kiến thực hiện xong trong tháng 01/2026.

1.6. Công tác An toàn - Môi trường

Thực hiện kế hoạch ATMT năm 2025, Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật, các công văn chỉ đạo, chỉ thị của Tập đoàn, Tổng công ty và ATVSLĐ tại cơ sở. Phối hợp cùng các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án PCTT-TKCN, phương án PCCC&CNCH, phương án ứng phó các sự cố thiên tai theo cấp độ rủi ro, thành lập và phân công nhiệm vụ Ban chỉ huy PCTT-TKCN; Chuẩn bị các nội dung ứng phó với điều kiện thời tiết biến đổi thất thường trong mùa mưa năm 2025.

Đối với công tác BVMT: Công ty đã chủ động thực hiện phân loại, thu gom bảo quản, xử lý CTNH theo đúng quy định. Tăng cường công tác nạo vét các hệ thống ao lắng đūoi tuyến thō Khu Tây và tuyến thō Thập Lục Phần nhằm đảm bảo nước thải phát sinh đūoc xử lý đảm bảo chất lượng nước theo quy định trước khi ra môi trường.

Kết quả, năm 2025 Công ty không đē xảy ra các vụ tai nạn lao đōng cũng như các sự cố về Môi trường.

Công tác PCTT-TKCN, ŪCSC: Công ty đã triển khai các công tác đảm bảo cơ điện như gia cố đập thủy điện Na Han, phát quang hành lang an toàn lưới điện; Sửa chữa mái lò Fero bị hư hại, phối hợp cùng các đơn vị kiểm tra an toàn tại các vị trí sản xuất đē đưa ra các biện pháp xử lý, triệt tiêu nguy cơ đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất. Cuối tháng 9, do ảnh hưởng của bão số 10, 11 khai trường bị ngập lụt, Công ty đã triển khai công tác ứng cứu sự cố theo phương án PCTT-TKCN đã ban hành, khắc phục các công trình bị ảnh hưởng và khôi phục sản xuất từ đầu tháng 11/2025.

Tổng giá trị thực hiện công tác ATVSLĐ năm 2025 đạt: 1.297,8/1.162,3 triệu đōng bằng 111,7% KHN; công tác môi trường thường xuyên đạt 1.063,8/1.202,4 triệu đōng, bằng 88,5% KHN.

1.7. Công tác lao đōng tiền lương

Lao đōng sử dụng bình quân sử dụng năm 2025: 176 người. Trong quá trình thực hiện Công ty luôn luôn đảm bảo làm đúng các quy định của Nhà nước; Bố trí đū việc làm ổn định cho cán bộ CNVC, LĐ, giải quyết các chế đō cho người lao đōng theo quy định.

Tiền lương bình quân đạt 12,35 triệu đōng/người/tháng. Đảm bảo chế đō chính sách cho người lao đōng theo đúng quy định: Đóng BHXH, BHYT, BHTN, tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng đōc hại...

1.8. Đối với công tác phát triển tài nguyên

- Bãi thải Thập Lục Phần: Công ty đã lập hồ sơ xin điều chỉnh dự án trình tỉnh Cao Bằng xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư (nộp hồ sơ ngày 24/9/2024), đã đūoc các sở ban ngành thẩm định 02 lần và đōng ý về mặt kỹ thuật. Tuy nhiên, do sự thay đōi của pháp luật nhà nước (Luật Khoáng sản năm 2024 có hiệu lực từ 01/7/2025) do vậy dự án chưa đūoc xem xét (tỉnh Cao Bằng đāng hoàn thiện về quy hoạch khu vực đầu giá/không đầu giá quyền khai thác khoáng sản, quy hoạch về đất đai...). Trong năm 2026, Công ty tiếp tục bám sát các cơ quan quản lý của tỉnh đē hoàn thiện hồ sơ, đầu nhanh tiến đō xin chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp phép khai thác (Dự kiến xong trong năm 2026).

- Bãi thải Khu Tây: Dự án có điều kiện và trình tự các bước thực hiện tương tự như dự án Thập Lục Phần (TLP). Trong năm 2025, dự án chưa triển khai thực hiện do tỉnh Cao Bằng chưa phê duyệt về quy hoạch khu vực đầu giá/không đầu giá quyền khai thác khoáng sản. Trong năm 2026, Công ty tiến hành kiểm kê đánh giá tài nguyên còn lại và triển khai các công việc xin chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp phép khai thác của dự án.

- Dự án đầu tư khai thác mỏ thiếc Sa khoáng Nậm Kép: Dự án được lập năm 2022 và đã nộp hồ sơ đề xuất đầu tư lên UBND tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, do các ý kiến quan ngại của tỉnh Cao Bằng về những tác động, ảnh hưởng của dự án đến môi trường, đời sống, sinh kế và an toàn của người dân khu vực bị ảnh hưởng .. Vì vậy, trong năm 2026, Công ty tiếp tục triển khai rà soát, đánh giá tổng thể lại dự án để đưa ra các biện pháp/giải pháp giải trình các ý kiến của tỉnh Cao Bằng và báo cáo tỉnh Cao Bằng xem xét.

- Mỏ sắt Nà Lũng, Phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng: Hiện nay, đã được UBND tỉnh cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số: 237/ QĐ-UBND, ngày 25 tháng 02 năm 2026. Dự kiến trong năm 2026, Công ty thực hiện hoàn thành việc lập và phê duyệt Hồ sơ đánh giá tác động môi trường, lập, phê duyệt hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản và các thủ tục khác có liên quan để dự án tiếp tục hoạt động khai thác khoáng sản quặng sắt và các khoáng sản đi kèm còn lại tại mỏ sắt Nà Lũng.

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3-4</i>
A. Tình hình tài chính				
I. Tài sản ngắn hạn				
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	100	113.946	94.520	19.426
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	13.903	8.777	5.126
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	56.966	24.626	32.340
3- Hàng tồn kho	140	11.440	14.032	-2.592
4- Tài sản ngắn hạn khác	150	2.636	4	2.632
II. Tài sản dài hạn	200	31.907	25.788	6.119
1- Các khoản phải thu dài hạn	210	4.032	3.405	627
2- Tài sản cố định	220	22.356	16.204	6.152
- Nguyên giá	222+225+228	209.909	197.609	12.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229	(187.733)	(181.405)	-6.238
3- Tài sản dở dang dài hạn	240	3.550	3.109	441
4- Đầu tư tài chính dài hạn	250			
5- Tài sản dài hạn khác	260	1.968	3.069	-1.101
III. Nợ phải trả	300	45.705	22.094	23.611
1- Nợ ngắn hạn	310	41.707	22.089	19.618
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	7.031	4.602	2.429
- Người mua trả tiền trước	312			

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3-4</i>
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9.979	9.814	165
- Phải trả người lao động	314	8.054	3.182	4.872
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	30	30	0
- Phải trả ngắn hạn khác	319	7.425	1.411	6.014
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	6.520	3.048	3.472
2- Nợ dài hạn	330	3.998	5	3.993
- Phải trả dài hạn khác	337		5	-5
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	3.998		3.998
IV. Vốn chủ sở hữu	400	100.146	98.213	1.933
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411	80.000	80.000	0
Trong đó: Vốn góp của nhà nước		41.508	41.508	0
2- Quỹ đầu tư phát triển	418	6.082	6.082	0
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	780	780	0
4- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8.595	5.921	2.674
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		283	-283
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	8.595	5.637	2.958
5- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	4.689	5.429	-740

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã triển khai xây dựng lại mô hình tổ chức sản xuất từ các tổ đội, phòng ban và định biên lại lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí và nâng cao lương, thu nhập cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh của Công ty với khẩu hiệu "An toàn – Phát triển – Hiệu quả".

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Công ty đã triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên năm 2025, cụ thể như sau:

- Công tác quan trắc môi trường định kỳ: Phối hợp với Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật môi trường thực hiện quan trắc giám sát theo tần suất 4 lần/năm đối với mẫu nước thải, 2 lần/năm đối với mẫu môi trường xung quanh. Các chỉ tiêu phân tích chất lượng môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải, khí thải.

- Thu gom xử lý chất thải nguy hại: Được thu gom và bảo quản tại các kho lưu chứa CTNH theo đúng quy định.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Công ty thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân đầy đủ cho người lao động; Định kỳ hàng năm tổ chức các đợt khám, phân loại sức khỏe, BNN từ đó bố trí, sắp xếp việc làm hợp lý cho người lao động ...

- Tổ chức công tác huấn luyện ATVSLĐ định kỳ cho 142 lượt người. Tiến hành đo, kiểm tra môi trường lao động tại các vị trí sản xuất.

- Trong năm Công ty không để xảy ra vụ TNLĐ nào.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Thực hiện giám sát chất lượng môi trường thường xuyên theo Giấy phép môi trường của Công ty đã được cấp. Kiểm soát không để phát tán chất thải gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sống của cộng đồng dân cư.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá chung kết quả hoạt động năm 2025, HĐQT ghi nhận sự nỗ lực của Công ty trong bối cảnh chung của nền kinh tế và sự cạn kiệt tài nguyên hiện nay. Ban điều hành Công ty đã trực tiếp bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công. Kết quả năm 2025 đã hoàn thành tốt kế hoạch đặt ra, sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
Tổng doanh thu	Triệu đồng	123.219	137.023
Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	13.242	13.523
Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	26.093	26.093
Lao động sử dụng bình quân	Người/năm	180	176
Tiền lương bình quân	Trđ/người/tháng	12,08	12,35

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2026, nhận định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, Công ty cần phải triển khai quyết liệt các giải pháp tiết kiệm vật tư, tiết giảm các chi phí, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị Công ty xác định các định hướng hoạt động cho năm 2026 với các nhiệm vụ cơ bản sau:

R. Chuan

1. Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2026. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp để thực hiện được các nội dung mà Đại hội thường niên đề ra. Tích cực hỗ trợ Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là xin cấp giấy phép khai thác bãi thải Thập Lục Phần, bãi thải khu Tây, mỏ sắt Nà Lũng trong năm 2026; thực hiện lập hồ sơ xin cấp chủ trương đầu tư Dự án đầu tư khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép.

3. Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện có hiệu quả công tác tái cơ cấu lao động; công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; công tác Đầu tư; công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

4. Chỉ đạo Ban Giám đốc quan tâm, sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ theo thẩm quyền.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty có 05 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Lý Xuân Tuyên – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết; (được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

- Ông Trần Văn Chương – Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT; (được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

- Ông Nguyễn Mạnh Hưng – Phó trưởng phòng Kế hoạch Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Thành viên HĐQT Công ty; (được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 10/5/2023, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023).

- Ông Hà Ngọc Bình, Thành viên HĐQT Công ty (được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

- Ông Đỗ Hữu Chiêm – Phó Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT; (được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2025, HĐQT tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, tổ chức 08 phiên họp ban hành 18 Nghị quyết, 08 Quyết định để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ và giám sát thực hiện công tác điều hành sản xuất kinh doanh của công ty. Các cuộc

hợp của HĐQT được các thành viên tham gia đầy đủ, đưa ra các nghị quyết và quyết định phù hợp với điều lệ, phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty:

Các nội dung quan trọng Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2025 như sau:

- Nghị quyết về việc Giám đốc tạm thời quản lý điều hành Công ty và nhân sự thay thế.
- Quyết định về việc tạm thời thôi quản lý, điều hành Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
- Quyết định về việc giao nhiệm vụ cán bộ.
- Nghị quyết về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Nghị quyết Về việc thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ của Công ty.
- Nghị quyết V/v bổ nhiệm lại cán bộ chức danh Quản đốc Phân xưởng Khai tuyến.
- Nghị quyết V/v Về việc đề cử nhân sự bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.
- Nghị quyết V/v Phê duyệt vay vốn tín dụng Ngân hàng.
- Nghị quyết V/v Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (điều chỉnh) dự án khai thác quặng sắt và các khoáng sản đi kèm mỏ sắt Nà Lũng, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ TN năm 2025.
- Nghị quyết Về việc chi trả cổ tức bằng tiền năm 2024.
- Nghị quyết Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.
- Quyết định Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.
- Nghị quyết Về việc thanh lý tài sản cố định.
- Nghị quyết Phê duyệt Báo cáo KTKT công trình TBA 630KVA
- Nghị quyết Về việc Phê duyệt kế hoạch thuê ngoài bổ sung năng lực xúc bốc năm 2026.
- Nghị quyết Về việc Phê duyệt kế hoạch thuê ngoài luyện thiếc thời năm 2026.
- Nghị quyết Về việc Thông qua các Quy chế quản lý trong Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
- Quyết định Về việc ban hành Quy chế quản lý công tác An toàn vệ sinh lao động trong Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
- Quyết định Về việc ban hành Quy chế quản lý công tác Bảo vệ môi trường trong Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
- Quyết định Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
- Quyết định Về việc ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
- Quyết định Về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
- Nghị quyết Về việc Phân phối Quỹ thưởng viên chức quản lý Công ty năm 2024.
- Nghị quyết Về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, Phúc lợi năm 2025.

d) *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:* (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Ban kiểm soát (BKS) Công ty có 03 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Lê Thanh Tùng - Phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Trưởng BKS Công ty;

- Ông Đặng Giang Nam – Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty - Thành viên BKS;

- Ông Trương Văn Hải – Phó phòng KTATMT Công ty - Thành viên BKS.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên vừa trực tiếp tham gia quản lý, vừa thực hiện vai trò kiểm soát tại Công ty theo từng lĩnh vực gắn với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công;

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

- Thực hiện công việc giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, phân phối tiền lương cho người lao động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 (VND)
1	Ông Lý Xuân Tuyên	Chủ tịch HĐQT	132.042.000

R. Chien

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 (VND)
2	Ông Trần Văn Chương	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	640.851.200
3	Ông Hà Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	88.831.800
4	Ông Đỗ Hữu Chiêm	Thành viên HĐQT	540.297.400
5	Ông Nguyễn Mạnh Hưng	Thành viên HĐQT	88.831.800
6	Ông Lê Thanh Tùng	Trưởng BKS	51.640.000
7	Ông Đặng Giang Nam	Thành viên BKS	86.663.000
8	Ông Đàm Nông Minh	Thành viên BKS (Đến ngày 21/3/2025)	
9	Ông Trương Văn Hải	Thành viên BKS (Từ ngày 08/5/2025)	4.012.000
10	Ông Cung Lê Hoàng	Kế toán trưởng	420.844.200
	Cộng		

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có.

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán).

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính đăng trên Website: <http://cmamc.com>.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**

